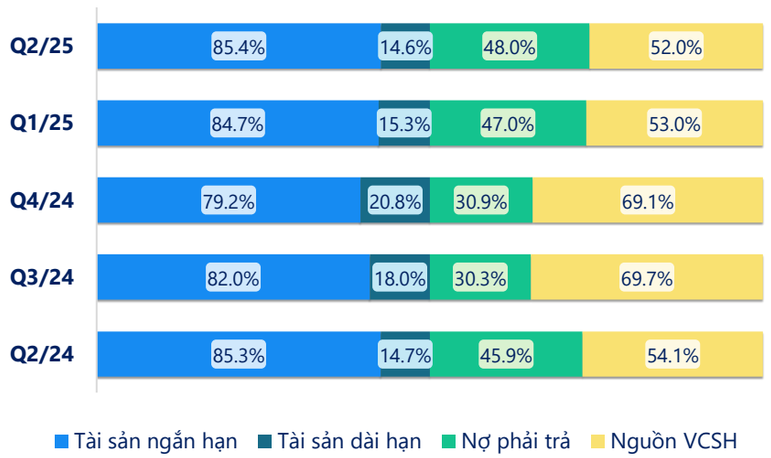
FireAnt

CTCP Kỹ thuật và Ô tô Trường Long (HSX: HTL)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	28,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	31,970
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	15,537
SL cổ phiếu LH	12,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,500
% sở hữu nước ngoài	30.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	337
P/E	15.4
EPS	1,829

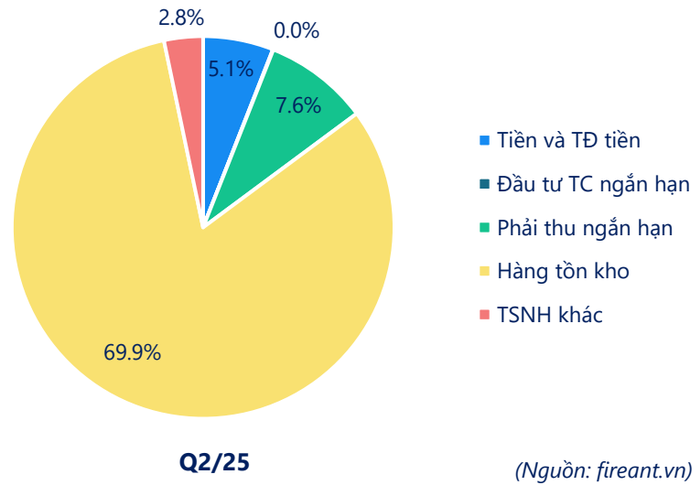
	YTD	1T	3T	6T
HTL	-4.1%	-1.7%	-4.9%	-2.4%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản



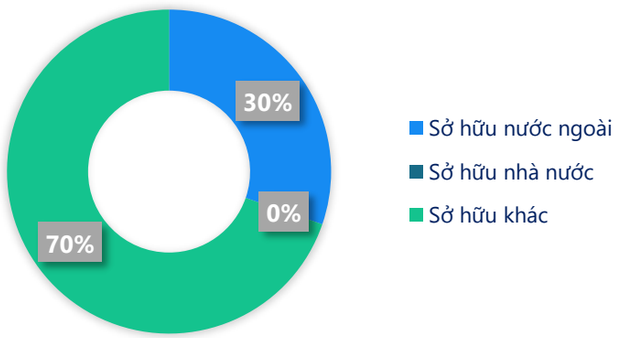
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



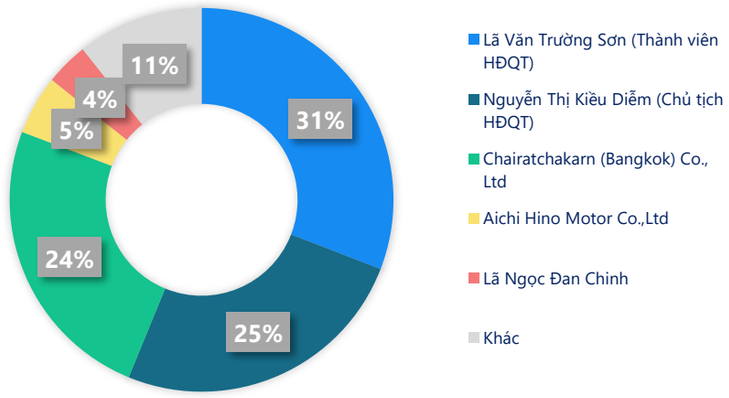
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



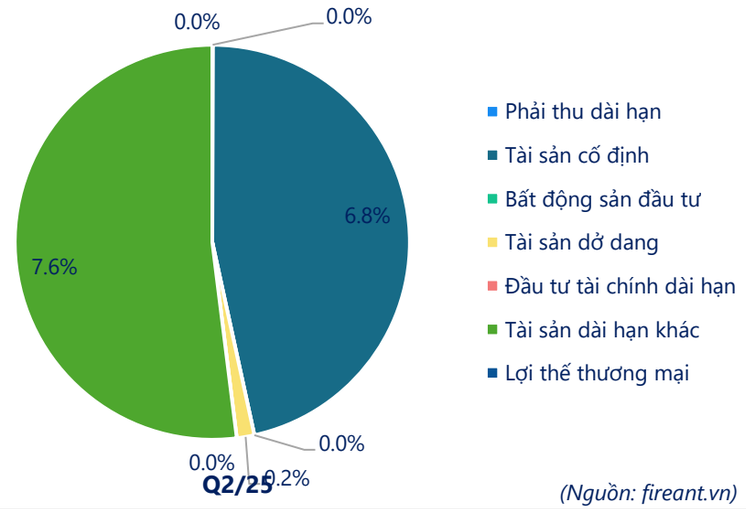
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

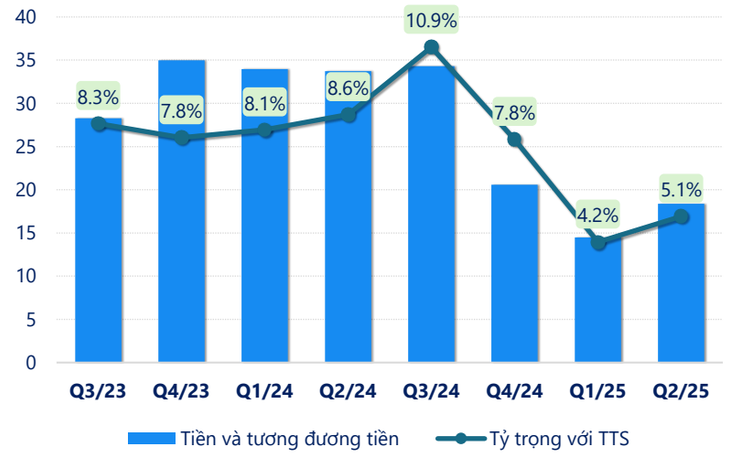


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

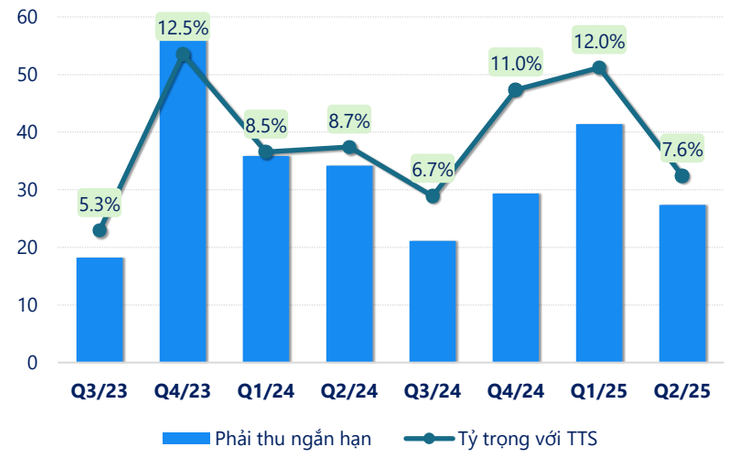
CTCP Kỹ thuật và Ô tô Trường Long (HSX: HTL)

Tiền và tương đương tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



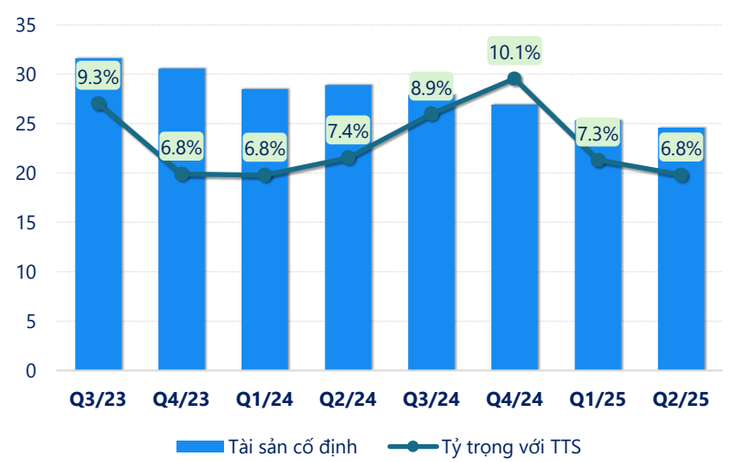
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



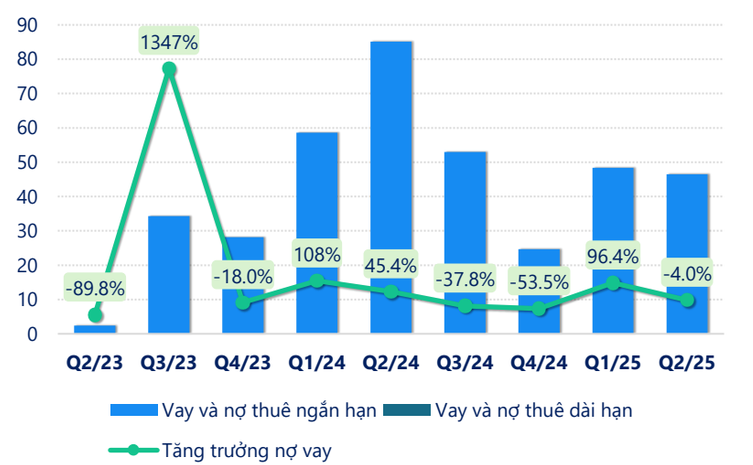
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



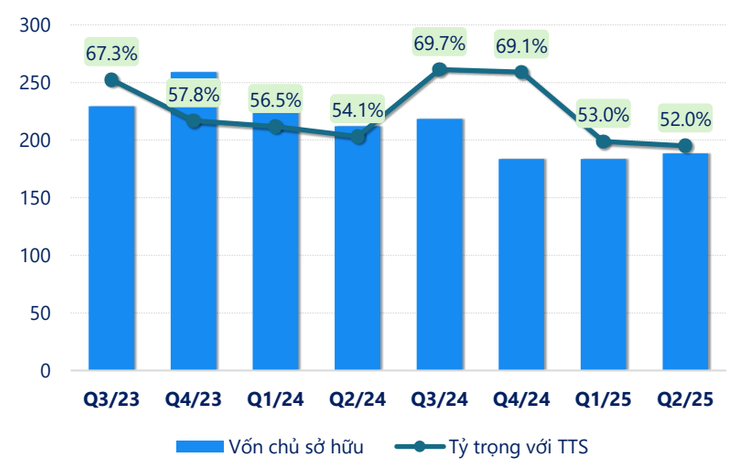
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

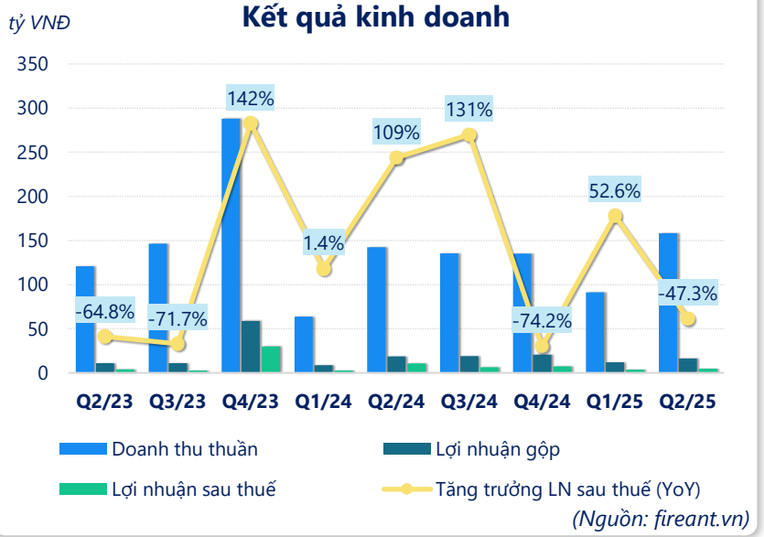


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

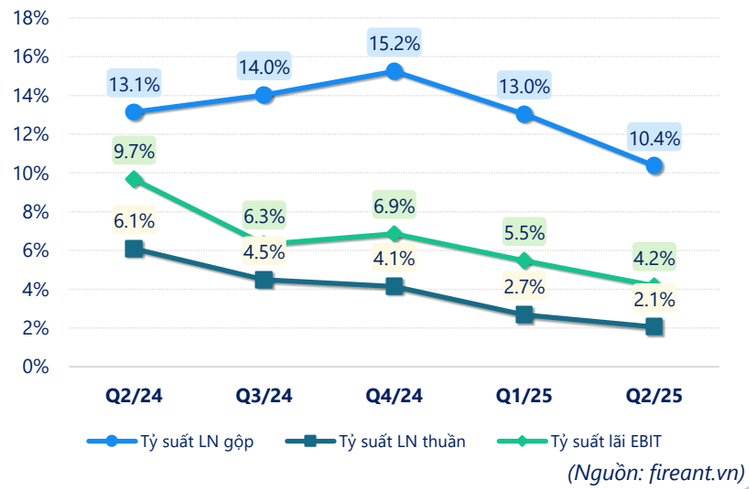
CTCP Kỹ thuật và Ô tô Trường Long (HSX: HTL)

Kết quả kinh doanh



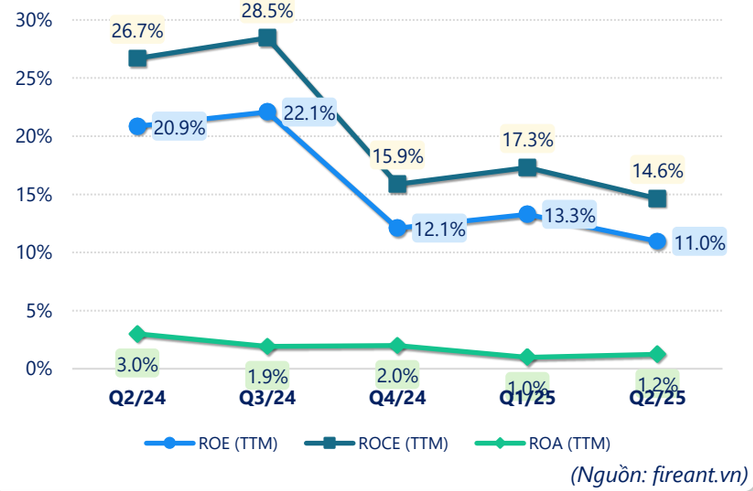
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



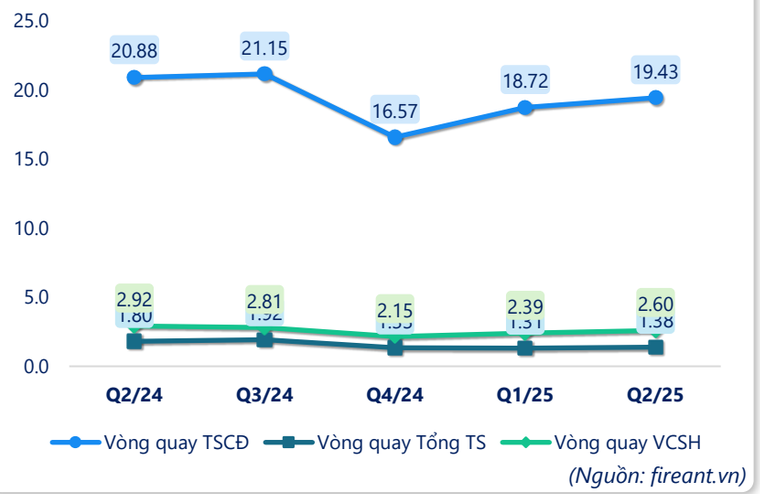
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



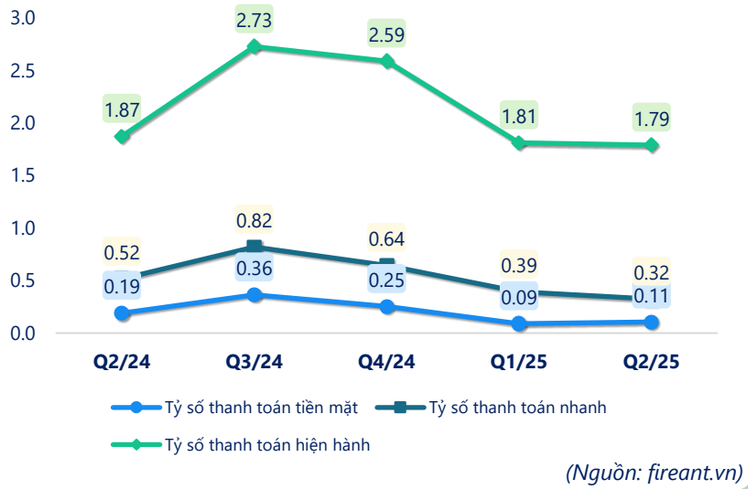
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



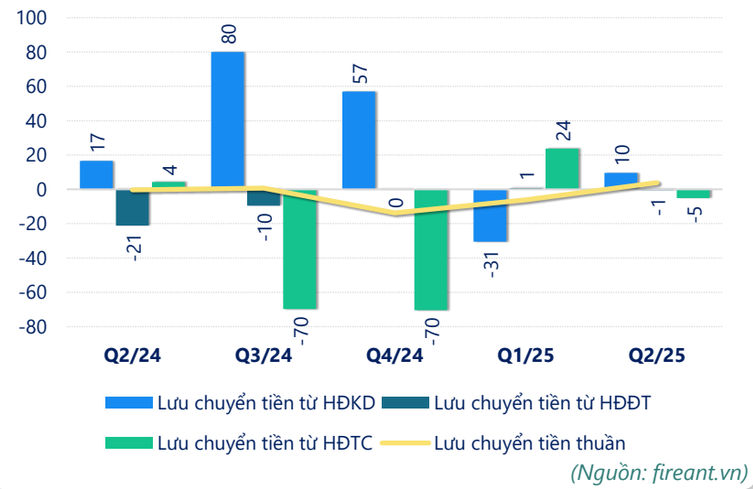
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Kỹ thuật và Ô tô Trường Long (HSX: HTL)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**362**	**266**	**36.3%**
Tài sản ngắn hạn	309	211	46.9%
Tiền và tương đương tiền	18.4	20.6	-10.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.15	0.15	0.0%
Phải thu ngắn hạn	27.4	29.3	-6.7%
Hàng tồn kho	253	158	60.2%
Tài sản ngắn hạn khác	10.2	2.42	321%
Tài sản dài hạn	**52.9**	**55.1**	**-4.1%**
Phải thu dài hạn	0.03	0.03	0.0%
Tài sản cố định	24.6	26.9	-8.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.76	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**27.5**	**28.2**	**-2.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	174	85.8	103%
Nợ ngắn hạn	**173**	**84.8**	**104%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	46.5	24.6	88.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	76.1	31.1	145%
Nợ dài hạn	0.89	0.98	-9.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**188**	**180**	**4.7%**
Vốn chủ sở hữu	**188**	**180**	**4.7%**
Vốn điều lệ	120	120	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	142	135	135	91.1	158
Giá vốn hàng bán	124	116	114	79.2	142
Lợi nhuận gộp	18.7	19.0	20.6	11.9	16.4
Doanh thu HĐTC	1.54	0.30	0.40	0.02	0.24
Chi phí TC	0.52	1.07	0.17	0.47	0.65
Chi phí lãi vay	0.37	0.66	0.16	0.27	0.53
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	6.09	6.98	9.01	4.82	7.16
Chi phí QLDN	4.97	5.17	6.22	4.16	5.59
LN thuần từ HĐKD	8.67	6.07	5.60	2.45	3.25
Lợi nhuận khác	4.72	1.84	3.52	2.27	2.85
LN trước thuế	13.4	7.91	9.12	4.72	6.10
Lợi nhuận sau thuế	10.7	6.33	7.17	3.77	4.67
LNST của CĐ cty mẹ	10.7	6.33	7.17	3.77	4.67

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	16.6	80.0	57.0	-30.5	9.51
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-21.1	-9.58	-0.37	0.67	-0.58
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	4.24	-69.8	-70.4	23.8	-5.04
Tiền đầu kỳ	34.0	33.7	34.3	20.6	14.5
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.27**	**0.63**	**-13.7**	**-6.10**	**3.90**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.03	-0.03	0	0	0
Tiền cuối kỳ	33.7	34.3	20.6	14.5	18.4

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic